

Ngày 23 tháng 12 năm 2025

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,205.3	755	15,255,000
Được chi trong ngày					15,255,000
Đã chi trong ngày					15,255,000
1. Dịch vụ					1,520,400
1	Dịch vụ thu		0	393	0
2	Dịch vụ thu		4,200	362	1,520,400
3			0	362	0
2. Kho					2,479,644
 Ăn chính					2,479,644
1	Gạo tẻ	Kg	18,000	37	666,000
2	Sữa bột Nuti trường học	Kg	259,092	7	1,813,644
3. Đi chợ					11,254,956
 Ăn sáng					3,909,600
1	Đậu hũ chiên	Miếng	4,000	70.2	280,800
2	Cà chua	Kg	30,000	4	120,000
3	Hành củ tươi	Kg	80,000	0.8	64,000
4	Tỏi	Kg	150,000	0.9	135,000
5	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
6	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	9	1,170,000
7	Tiết luộc	Kg	20,000	3	60,000
8	Trứng vịt	Quả	4,000	60.2	240,800
9	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
10	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1	25,000
11	Muối iốt	Gói	4,000	1.5	6,000
12	Đường phèn	Kg	35,000	0.8	28,000
13	Ngò rí	Kg	50,000	1	50,000
14	Xương Heo	Kg	120,000	5	600,000
15	Cua xay không mai	Kg	100,000	5	500,000
16	Hành lá	Kg	50,000	1.2	60,000
17	Bún tươi	Kg	18,000	25	450,000
 Ăn chính					7,345,356
1	Khoai lang	Miếng	35,000	1	35,000
2	Khoai tây	Kg	25,000	1	25,000
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	1	25,000
4	Củ dền	Kg	35,000	1	35,000
5	Hành củ tươi	Chai	80,000	1.4	112,000
6	Su su	Kg	12,000	1	12,000
7	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
8	Cải bó xôi	Quả	50,000	19	950,000
9	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.5	75,000
10	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Chai	130,000	14	1,820,000
11	Chả lụa	Gói	150,000	5.5	825,000
12	Tôm biển	Kg	190,000	6.5	1,235,000
13	Đường cát	Kg	30,000	2	60,000
14	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.4	35,000
15	Muối iốt	Kg	4,000	1.44	5,756

16	Ngò rí	Kg	50,000	1.6	80,000
17	Sữa chua Ánh Hồng	Kg	4,200	393	1,650,600
18	Hành lá	Kg	50,000	1.6	80,000
19	Rau ngót	Bó	15,000	7	105,000
20	Lá dứa	Bó	3,000	10	30,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					41,019,068
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					190,522,332
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng				12,731	
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					257,195,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					257,195,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán



Phạm Thị Ngà

Phó hiệu trưởng



Phạm Thị Hồng Huế

